

# VỀ THUẬN LỢI VÀ THÁCH THỨC CỦA TỈNH THỪA THIÊN HUẾ TRONG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

ĐỖ NAM<sup>(\*)</sup>

*Ở duyên hải miền trung Việt Nam, tỉnh Thừa Thiên Huế nằm trên trục giao thông quan trọng xuyên Bắc-Nam, trục hành lang Đông - Tây nối Thailand - Lào - Việt Nam theo đường 9. Nổi tiếng với các di tích được UNESCO công nhận, Thừa Thiên Huế là điểm đến ưa thích trên bản đồ du lịch của Việt Nam và thế giới. Tuy nhiên, Thừa Thiên Huế vẫn chưa phát triển được như tiềm năng sẵn có. Bài viết này xem xét một số lợi thế và thách thức của tỉnh hiện nay trong bối cảnh phát triển kinh tế xã hội của vùng kinh tế trọng điểm miền Trung.*

## I. Bối cảnh vùng kinh tế trọng điểm miền Trung

Theo quy hoạch và quyết định của Chính phủ, vùng kinh tế trọng điểm (KTTĐ) miền Trung là “một trong những vùng phát triển năng động của cả nước, đảm bảo vai trò hạt nhân tăng trưởng và thúc đẩy phát triển khu vực miền Trung và Tây Nguyên” (1), bao gồm các tỉnh và thành phố: Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi và Bình Định, trong đó, tỉnh Thừa Thiên Huế là địa phương duy nhất thuộc khu vực Bắc Trung bộ được quy hoạch nằm trong khu KTTĐ miền Trung. Khu kinh tế Chân Mây-Lăng Cô (tỉnh Thừa Thiên Huế) cùng với khu kinh tế mở Chu Lai (tỉnh Quảng Nam), khu kinh tế Dung Quất (tỉnh Quảng Ngãi) và khu kinh tế Nhơn Hội (tỉnh Bình Định) đóng vai trò quan trọng trong vùng kinh tế này.

Theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ, các tỉnh, thành phố trong vùng KTTĐ miền Trung phải phấn đấu đạt 7 chỉ tiêu, trong đó có 3 chỉ tiêu về kinh tế, 3 chỉ tiêu về xã hội và 1 chỉ tiêu về an ninh, chính trị và môi trường. Về kinh tế, vùng KTTĐ miền Trung phấn đấu có tốc độ tăng trưởng GDP từ 1,2 lần (giai đoạn 2006-2010) đến 1,25 lần (giai đoạn 2011-2020) tốc độ tăng trưởng bình quân cả nước, tỷ lệ đóng góp của vùng vào GDP của cả nước chiếm 5,5% vào năm 2010 và 6,5% vào năm 2020; giá trị xuất khẩu bình quân đầu người/ năm đạt 375 USD năm 2010 và 2.530 USD năm 2020; mức đóng góp của vùng vào thu ngân sách của cả nước đạt 6% vào năm 2010

---

<sup>(\*)</sup> Chủ tịch Liên hiệp Hội Khoa học-Kỹ thuật Thừa Thiên Huế.

và 7% vào năm 2020. Về xã hội, các tỉnh, thành phố trong vùng KTTĐ miền Trung phần đầu nâng cao tỷ lệ lao động qua đào tạo đến năm 2010 đạt 50%; giữ tỷ lệ thất nghiệp ở mức 4% vào năm 2020, mỗi năm giải quyết được từ 60 đến 70 ngàn chỗ làm mới; tỷ lệ hộ nghèo giảm xuống dưới 8,8% vào năm 2010 và khoảng 2% vào năm 2020. Về môi trường, quyết định của Thủ tướng không đặt ra chỉ tiêu cụ thể, mà chỉ đặt mục tiêu chung “Đảm bảo an ninh chính trị, trật tự xã hội và môi trường bền vững ở đô thị và nông thôn”.

đầu người của tỉnh Thừa Thiên Huế so với mức GDP bình quân đầu người của vùng KTTĐ miền Trung và khu vực Bắc Trung Bộ có xu hướng tăng lên. Năm 2010 GDP bình quân đầu người của tỉnh Thừa Thiên Huế đạt 1.150 USD, cao hơn so với mức trung bình của vùng KTTĐ miền Trung và khu vực Bắc Trung bộ. Tỉnh Quảng Ngãi đứng đầu trong các tỉnh, thành phố vùng KTTĐ miền Trung về tổng vốn đầu tư trong 5 năm qua, đồng thời cũng là tỉnh có tốc độ tăng trưởng cao nhất trong khu vực. Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam công bố chỉ số năng lực cạnh tranh

*Bảng: GDP và tốc độ tăng trưởng của tỉnh Thừa Thiên Huế so sánh với vùng KTTĐ miền Trung qua các năm*

*Đơn vị tính: Nghìn tỷ đồng*

	GDP (giá so sánh 1994)				Tốc độ tăng trưởng		
	2000	2005	2008	2010	2001-2005	2006-2008	2006-2010
<b>Tổng GDP</b>							
Vùng KTTĐ miền Trung	14,60	23,90	33,70	43,10	10,30	12,10	12,50
Tỉnh Thừa Thiên Huế	2,20	3,50	4,90	6,10	9,60	12,20	12,06
<b>GDP công nghiệp và xây dựng</b>							
Vùng KTTĐ miền Trung	3,90	8,50	13,00	19,30	16,90	15,20	18,30
Tỉnh Thừa Thiên Huế	0,70	1,30	2,00	2,70	15,00	15,70	15,60
<b>GDP dịch vụ</b>							
Vùng KTTĐ miền Trung	5,90	9,30	13,40	16,60	9,50	13,00	12,30
Tỉnh Thừa Thiên Huế	1,00	1,50	2,20	2,70	8,20	13,00	12,60
<b>GDP nông nghiệp</b>							
Vùng KTTĐ miền Trung	4,80	6,20	7,30	7,20	5,30	5,60	3,00
Tỉnh Thừa Thiên Huế	0,50	0,66	0,70	0,75	4,20	16,60	2,60

*Nguồn: Niên giám Thống kê và báo cáo thực hiện kế hoạch 5 năm 2006-2010 các tỉnh, thành phố.*

Số liệu trong bảng trên cho thấy, tốc độ tăng trưởng bình quân năm của tỉnh Thừa Thiên Huế tăng chậm, nhưng GDP bình quân đầu người của tỉnh đạt khá. Khoảng cách về GDP bình quân

cấp tỉnh năm 2009 cho thấy: Thành phố Đà Nẵng xếp thứ nhất với 75,96 điểm, thuộc nhóm rất tốt; các tỉnh Bình Định xếp thứ 7 với 65,97 điểm, Thừa Thiên Huế xếp thứ 14 với 64,23 điểm và

Quảng Nam xếp thứ 25 với 61,08 điểm, thuộc nhóm tốt; tỉnh Quảng Ngãi xếp thứ 58 với 52,24 điểm, thuộc nhóm trung bình.

Đánh giá tỉnh Thừa Thiên Huế trong bối cảnh phát triển kinh tế với khu vực miền Trung, có thể thấy rằng, Thừa Thiên Huế vẫn chưa phát triển mạnh và bền vững như kỳ vọng. Mức độ đạt và đóng góp chưa cao, chưa tạo được nhiều đột phá. Những phân tích dưới đây phần nào lý giải cho vấn đề trên.

## II. Những lợi thế trong phát triển của Thừa Thiên Huế

### 1. Di sản văn hóa thế giới và tính đặc sắc của văn hoá Huế

Nằm ở khoảng giữa của Tổ quốc, là nơi hội tụ các nền văn hoá lớn đã từng tồn tại trên đất nước Việt Nam, là mảnh đất được lựa chọn làm thủ phủ Đàng trong rồi kinh đô của triều đại phong kiến cuối cùng trong lịch sử dân tộc, tỉnh Thừa Thiên Huế được thừa hưởng một nền văn hoá đặc sắc do lịch sử để lại, từ kiến trúc cung điện, đền đài, lăng tẩm đến nhà vườn truyền thống, từ nghệ thuật dân gian đến nhã nhạc cung đình, từ trò chơi nơi đình làng đến hoạt động tín ngưỡng nơi thờ cúng, từ các sản phẩm thủ công lớn như đại hồng chung, nhỏ như cành hoa giấy đến kho tàng chữ Nôm có mặt khắp các làng, xã, từ các món ăn hàng ngày được nâng lên thành nghệ thuật ẩm thực đến cách ứng xử thân thiện với thiên nhiên. Tiêu biểu cho nền văn hoá đặc sắc đó là quần thể di tích cố đô Huế và nhã nhạc cung đình Huế được công nhận là di sản văn hoá vật thể (năm 1993) và phi vật thể (năm 2003) của thế giới.

Trong nhiều trường hợp, khi nói đến những giá trị văn hoá đặc sắc của vùng đất, đến tính cách của những con người,

đến những món ăn ngon, những sản vật nổi tiếng của địa phương thì khái niệm văn hoá Huế vượt ra xa ngoài giới hạn hành chính của thành phố Huế. Ở một phương diện nào đó, tính đặc sắc về văn hoá Huế đã được thừa nhận cả ở tầm quốc gia và quốc tế. Thế nhưng, vẫn còn những vấn đề cần được tiếp tục nghiên cứu để thấu hiểu sâu sắc hơn, để giữ gìn và phát huy giá trị của nó với tư cách một thương hiệu đã được hình thành và phát triển trong nhiều trăm năm, qua nhiều thế hệ, một thương hiệu không một địa phương nào trong cả nước có được. Thông qua các chương trình quảng bá và các Festival, lượng du khách đến tham quan Huế hàng năm ngày càng tăng, doanh thu từ du lịch tăng mạnh nhưng trong giai đoạn tới, Thừa Thiên Huế cần tiếp tục “đa dạng hóa sản phẩm du lịch, phát triển hạ tầng dịch vụ du lịch, tuyên truyền, quảng bá du lịch gắn với quảng bá văn hoá Huế, Festival Huế và Festival Nghệ truyền thống Huế năm 2011; xây dựng “Chương trình công bố và giới thiệu những điều độc đáo và sản phẩm, dịch vụ đặc sắc của du lịch Thừa Thiên Huế” (2) để có thể phát huy được tối đa lợi thế này.

### 2. Lợi thế về vị trí địa lý

Dù xét trên phương diện nào, địa lý tự nhiên, địa lý kinh tế hay địa lý chính trị, thì vị trí địa lý tương đối của tỉnh Thừa Thiên Huế đối với cả nước và khu vực là một lợi thế.

Giao thông là hạ tầng cơ sở quan trọng trong bất cứ giai đoạn phát triển nào, của bất cứ địa phương hay quốc gia nào. Vị trí đầu mối, điểm trung lộ, điểm giao cắt trong mạng lưới giao thông đường bộ, đường sắt, đường hàng không theo chiều nam bắc, theo trục

đông tây, cả hiện tại và trong tương lai, chắc chắn là một lợi thế của bất cứ địa phương nào.

Trong khi đó, rõ ràng là, tỉnh Thừa Thiên Huế có 3 đường trục giao thông đường bộ và đường sắt là quốc lộ 1A, đường Hồ Chí Minh và đường sắt thống nhất chạy qua. Theo trục này, một cách tương đối, tỉnh Thừa Thiên Huế và thành phố Huế có thể coi là nằm ở trung lộ. Theo trục đông tây, tỉnh Thừa Thiên Huế, cùng với tỉnh Quảng Trị, là điểm xuất phát từ phía đông, đi về phía tây, qua cửa khẩu Lao Bảo, sang Lào, Thailand hết sức nhanh chóng. Vị trí trung lộ, đầu mối giao thông của tỉnh Thừa Thiên Huế trên trục giao thông đường bộ, đường sắt, đường hàng không tạo ra cho tỉnh một lợi thế khi tỉnh Thừa Thiên Huế nằm ở điểm giữa của “con đường di sản miền Trung” kết nối 5 di sản thế giới của Việt Nam: Khu bảo tồn thiên nhiên Phong Nha – Kẻ Bàng (tỉnh Quảng Bình), quần thể di tích cố đô Huế và nhã nhạc cung đình Huế (tỉnh Thừa Thiên Huế), thánh địa Mỹ Sơn và đô thị cổ Hội An (tỉnh Quảng Nam).

### 3. Về tài nguyên thiên nhiên

Nằm ở vị trí giao thoa giữa hai miền khí hậu, có đủ núi, sông, đầm phá và biển, Thừa Thiên Huế có nguồn tài nguyên thiên nhiên đa dạng về chủng loại, đặc sắc về giá trị, một số tài nguyên được đánh giá cao ở tầm quốc gia và quốc tế, được coi là tiêu biểu của Việt Nam và khu vực, như các khu rừng kín thường xanh, mưa mùa nhiệt đới ở khu vực Bạch Mã – Hải Vân và đầm phá nước lợ ven bờ lớn nhất Đông Nam Á – hệ đầm phá Tam Giang – Cầu Hai, tạo ra lợi thế so sánh nhất định so với các địa phương khác về tài nguyên thiên

nhien. Lợi thế đó đã được thể hiện một phần khi Chính phủ lựa chọn Thừa Thiên Huế là địa phương đại diện cho 14 tỉnh duyên hải miền Trung xây dựng Bảo tàng Thiên nhiên khu vực duyên hải miền Trung nằm trong hệ thống các bảo tàng thiên nhiên của quốc gia.

Việt Nam có tất cả 12 đầm phá nước lợ ven bờ tập trung ở các tỉnh duyên hải miền Trung, trong đó tỉnh Thừa Thiên Huế có 2 đầm phá là đầm phá Tam Giang – Cầu Hai và đầm Lập An hay đầm Lăng Cô. Tam Giang – Cầu Hai là đầm phá tiêu biểu nhất trong 12 đầm phá ở Việt Nam, có diện tích mặt nước bằng tổng diện tích mặt nước của tất cả 11 đầm phá còn lại. Đây là một vực nước chứa đựng những tài nguyên vô giá, do chưa nghiên cứu đầy đủ và hạn chế về công nghệ nên chúng ta chưa khai thác và phát huy hết các giá trị to lớn của chúng. Nhưng có thể, điều đó lại là “của để dành” cho các thế hệ mai sau. Những điều kiện tự nhiên thuận lợi, vẻ đẹp của cảnh quan thiên nhiên, giá trị kinh tế của nguồn lợi thủy sinh, những lợi ích sinh thái của đa dạng sinh học... là những cơ sở để phát triển kinh tế tổng hợp khu vực đầm phá, ven biển, trong đó có du lịch đầm phá với những sản phẩm mới, đặc sắc có một không hai. Chính vì vậy, gần đây, Chính phủ đã phê duyệt đề án Phát triển kinh tế vùng đầm phá ven biển tỉnh Thừa Thiên Huế (9).

### 4. Về nguồn lực khoa học và công nghệ

Trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế có trên 50 tổ chức nghiên cứu và triển khai thuộc mọi thành phần kinh tế đang hoạt động, trong đó có gần 10 tổ chức ngoài nhà nước, có 08 trường đại học và 06 trường cao đẳng, trong đó có

01 trường đại học ngoài công lập. Ngoài ra còn có các học viện, viện, phân viện nghiên cứu, các trung tâm, chi nhánh, văn phòng đại diện của các tổ chức khoa học công nghệ trung ương, vùng, miền, tạo thành một hệ thống các tổ chức khoa học công nghệ đa ngành, đa lĩnh vực với đội ngũ khoa học công nghệ hùng hậu, đứng thứ ba trong cả nước về số lượng. Đặc biệt, đội ngũ các nhà khoa học xã hội và nhân văn của tỉnh được giới khoa học trong nước và quốc tế đánh giá cao qua các công trình nghiên cứu văn hoá, lịch sử, Huế học... Đặc biệt, Bệnh viện Trung ương Huế - bệnh viện “tây y” có lịch sử lâu đời nhất nước, bệnh viện thứ ba được Bộ Y tế xếp hạng đặc biệt trong cả nước (cùng với bệnh viện Bạch Mai ở Hà Nội và bệnh viện Chợ Rẫy ở thành phố HCM) đã và đang khẳng định vị thế của một trung tâm y tế chuyên sâu và hiện đại, đứng thứ ba về tổng thể, và đứng thứ nhất trong một số tiêu chí như thời gian chữa bệnh ngắn nhất và chi phí chữa bệnh thấp nhất.

### III. Những thách thức chủ yếu trong quá trình phát triển

Bên cạnh những lợi thế, tỉnh Thừa Thiên Huế cũng gặp phải nhiều thách thức không nhỏ. Đó là điều kiện tự nhiên khắc nghiệt, nguồn đầu tư cho cơ sở hạ tầng kinh tế thấp, cơ cấu ngành khoa học công nghệ bị khuyết các ngành mang tính công nghệ, kỹ thuật kéo theo trình độ công nghệ trong khu vực sản xuất, kinh doanh thấp và một số mặt tiêu cực trong tâm lý của người dân.

#### 1. Điều kiện tự nhiên khắc nghiệt

Đất canh tác trên lãnh thổ tỉnh Thừa Thiên Huế ít do phần lớn diện tích tự nhiên là núi cao có độ dốc lớn, lại bị

chia cắt bởi núi, đèo và sông, suối nên đất đai không tập trung; lượng mưa lớn và tập trung trong một thời gian ngắn gây ra lũ lụt và ngập úng, trượt lở đất, xói lở bờ sông, đất đai kém màu mỡ do xói mòn vì mưa nhiều và dốc... là những điều kiện tự nhiên không thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là nông nghiệp hàng hoá. Vì vậy, quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn sẽ khó khăn hơn các địa phương khác. Điều kiện khí hậu khắc nghiệt cũng ảnh hưởng đến ngành du lịch, cũng như các di sản bị tác động của thiên nhiên làm hư hại, xuống cấp. Khu vực ven biển có nhiều tiềm năng phát triển du lịch lại bị xói lở, xâm thực cộng với mùa mưa lũ trùng với mùa đông lạnh, độ ẩm cao làm cho thời gian khai thác các cơ sở du lịch (các khu nghỉ dưỡng, khách sạn, nhà hàng, bãi biển...) ngắn, không đủ 12 tháng. Đây thực sự là bài toán nan giải mà tỉnh Thừa Thiên Huế cần tìm ra giải pháp khắc phục.

Việc khai thác các tour du lịch đến Bạch Mã – một địa điểm có cảnh quan thiên nhiên hết sức hấp dẫn nhưng cũng là nơi có lượng mưa lớn nhất nước và có độ ẩm rất cao – là một ví dụ cho bất lợi do khí hậu khắc nghiệt gây ra và biện pháp khắc phục vẫn chưa có. Một ví dụ khác là khu vực bãi biển Thuận An vốn rất rộng và đẹp, với bãi cát trắng, nước trong và sạch. Những năm 90 của thế kỷ trước, các công ty tư vấn của Pháp đã giúp tỉnh Thừa Thiên Huế quy hoạch Thuận An thành một quần thể kiến trúc du lịch cao cấp. Nhưng chưa kịp kêu gọi đầu tư thì bờ biển liên tục bị xói lở (có thể do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu), đặc biệt là trong trận lũ lịch sử năm 1999 toàn bộ bãi biển Thuận An bị xoá sổ mà điểm nhấn là

dải đất hẹp ở làng Hoà Duân bị “đánh thủng” thành cửa biển mới. Đến nay, bằng cố gắng của con người, bãi biển ở khu vực này đang dần dần phục hồi, nhưng khó có thể trở lại như thời trước những năm 1990.

Hiện tại, để khắc phục bất lợi về thời tiết, ngành du lịch đang xây dựng chương trình du lịch “Huế trong mưa” nhằm phá bỏ hàng rào tư duy cũ để có thể tận dụng cơ hội từ các yếu tố thiên nhiên bất lợi, khai thác những sản phẩm du lịch độc đáo liên quan đến mưa Huế vốn đã đi vào thơ ca nhạc hoạ.

### 2. Nguồn đầu tư cơ sở hạ tầng kinh tế thấp

Vốn là vùng giáp ranh trong chiến tranh, nên trong một thời gian dài trước năm 1975 tỉnh Thừa Thiên Huế gần như không được đầu tư xây dựng hạ tầng cơ sở kinh tế. Ngành nghề kinh tế chủ yếu của tỉnh Thừa Thiên Huế trước giải phóng vẫn là nông nghiệp. Sau ngày đất nước thống nhất, nhất là từ ngày tỉnh Thừa Thiên Huế được tái lập, tỉnh đã tập trung tăng cường đầu tư phát triển các nguồn lực cơ bản: đất đai, nguồn vốn, nhân lực và khoa học công nghệ. Nhưng sự tăng cường các nguồn lực đó là chưa đủ để tạo nên sự nhảy vọt bứt phá về kinh tế: mặc dù tốc độ tăng trưởng kinh tế của tỉnh duy trì ở mức khá cao, cao hơn mức trung bình của cả nước, nhưng kinh tế tỉnh Thừa Thiên Huế vẫn thuộc loại kém phát triển. Các chỉ số phát triển thuộc loại trung bình yếu (khoảng từ hạng 30-35 trong số 63 tỉnh, thành trong cả nước). Ước thực hiện năm 2010, tổng sản phẩm nội địa của tỉnh (GDP) bình quân đầu người năm 2010 mới đạt 1.150 USD, cao hơn so với các tỉnh duyên hải miền Trung (1.125 USD) nhưng vẫn còn thua mức

trung bình của cả nước (1.200 USD). Tỷ lệ hộ nghèo là 7%, thấp hơn các tỉnh duyên hải miền Trung (12,1-12,5%) và trung bình cả nước (<10%).

Đặc biệt, những năm gần đây, cơ sở hạ tầng kinh tế đã được quan tâm đầu tư xây dựng, nhưng vẫn chưa hoàn chỉnh, đồng bộ, lại bị hư hại vì lũ lụt thường xuyên nên chưa tạo thành cơ sở hạ tầng cho các ngành kinh tế - xã hội phát triển. Mức độ đô thị hoá, nếu tính trên tỷ lệ đô thị, diện tích, dân số thì không thua kém các tỉnh trong khu vực Bắc Trung bộ và các tỉnh, thành phố thuộc vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, nhưng nếu tính đến nguồn vốn đầu tư cho các công trình xây dựng ở các đô thị thì chủ yếu vẫn từ ngân sách nhà nước, vì vậy bộ mặt đô thị thay đổi chậm.

Rõ ràng là, nếu tự lực, các tỉnh vốn nghèo như Thừa Thiên Huế, dù có cố gắng bao nhiêu cũng rất khó vượt lên, nếu không có sự hỗ trợ từ ngân sách trung ương một cách mạnh mẽ hơn.

### 3. Cơ cấu các ngành khoa học và công nghệ do lịch sử để lại kéo theo trình độ công nghệ trong khu vực sản xuất, kinh doanh hạn chế

Mặc dù, có nguồn lực khoa học công nghệ lớn, nhưng là về số lượng, trong khi cơ cấu nguồn lực này của hệ thống các trường đại học trên địa bàn nghiêng hẳn về các ngành về khoa học tự nhiên và khoa học xã hội, mà thiếu những ngành có tính chất khoa học kỹ thuật, khoa học ứng dụng hoặc công nghệ. Số lượng các bằng phát minh, sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp rất hiếm. Hơn nữa, nằm trong xu thế chung của cả nước, Đại học Huế vẫn đang trong quá trình phấn đấu trở

thành đại học nghiên cứu, các công bố quốc tế còn ít. Các phòng thí nghiệm, trang thiết bị khoa học của các trường đại học, các tổ chức khoa học công nghệ trung ương đóng trên địa bàn và của địa phương, hoặc còn thiếu, hoặc trùng lặp, không đồng bộ, lạc hậu, lại chưa được sử dụng hết công suất, năng lực; chưa có phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia.

Nguồn lực khoa học công nghệ thực sự nằm ở những tài sản trí tuệ: phát minh, sáng chế, giải pháp hữu ích do đội ngũ các nhà khoa học công nghệ nghiên cứu, phát triển. Thế nhưng, nếu xét theo phương diện này thì nguồn lực khoa học công nghệ của tỉnh lại hết sức nhỏ. Theo số liệu của cơ quan quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ trên địa bàn thì tài sản sở hữu trí tuệ của hệ thống các tổ chức khoa học công nghệ trên địa bàn là hết sức nghèo nàn: Đến nay trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế không có bằng phát minh nào, có 09 đơn đăng ký bảo hộ sáng chế và giải pháp hữu ích và trong số đó có 05 bằng sáng chế và giải pháp hữu ích đã được Nhà nước chấp nhận bảo hộ. Trong 5 năm, từ năm 2006 đến năm 2010, tỉnh Thừa Thiên Huế chỉ có 04 công trình được nhận các giải thưởng về khoa học và kỹ thuật cấp quốc gia (giải thưởng VIFOTECH), không có các giải thưởng cao hơn.

Hệ quả trực tiếp của tình trạng trên là trình độ và năng lực công nghệ của các cơ sở sản xuất và dịch vụ thấp (tất nhiên, trình độ và năng lực công nghệ thấp không chỉ vì lý do cơ cấu ngành khoa học công nghệ, mà còn nhiều lý do khác nữa). Chưa có đánh giá đầy đủ và chính thức về trình độ công nghệ trong khu vực sản xuất, kinh doanh, nhưng các thông tin đều xác nhận rằng, ngoài một số lĩnh vực, doanh nghiệp được ưu

tiên đầu tư như viễn thông, công nghệ thông tin, dược phẩm, dệt sợi... tự đánh giá hoặc được đánh giá là có trình độ khá so với cả nước, trình độ công nghệ của các doanh nghiệp tỉnh Thừa Thiên Huế còn lạc hậu. Đây sẽ là thách thức rất lớn trong quá trình hội nhập.

#### 4. Tâm lý của người Huế

Mặc dù chưa có công trình nghiên cứu chuyên biệt về tâm lý của người Huế (với nghĩa rộng hơn là người dân tỉnh Thừa Thiên Huế) nhưng nhiều ý kiến cho rằng một số mặt tiêu cực trong tâm lý người Huế là một bất lợi cho phát triển. Trong quá khứ, người Huế đã từng tự hào rằng họ đã chống trả quyết liệt lại sự xâm lăng về văn hoá lai căng của Mỹ và Tây Âu một cách thành công. Nhờ thế mà hiện nay nhiều nét đẹp truyền thống của người Huế vẫn được giữ gìn (thí dụ, tệ nạn ma tuý, mại dâm ít hơn nhiều tỉnh, thành phố khác) và chính điều đó góp một phần tạo nên hình ảnh đẹp của văn hoá Huế.

Tuy nhiên, tâm lý bảo thủ, thích sự ổn định, không thích thay đổi, không dám mạo hiểm khi đứng trước thách thức hoặc nguy cơ rủi ro, khi phải quyết định đổi mới, thái độ quá cẩn trọng trước các quyết định đầu tư của cán bộ, công chức... vẫn là tâm lý chủ đạo. Rất có thể, nhờ đó mà môi trường tự nhiên, cảnh quan thiên nhiên và diện mạo kiến trúc của Huế vẫn còn được bảo vệ. Nhưng cũng có thể, chính vì thế mà nhiều người được hỏi về đánh giá tốc độ phát triển của tỉnh Thừa Thiên Huế nói chung và thành phố Huế nói riêng trả lời là “chậm”.

Tâm lý “mẹ” ở những người dân bình thường, không liên quan gì đến hoàng tộc (có thể hiểu nôm na là tính

cách “con nhà lính, tính nhà quan”) đang tạo ra một lớp người ngại lao động chân tay. Người Huế thường không tự nguyện làm những công việc lao động chân tay nặng nhọc như chặt mía (cuối những năm 1990), đào ao nuôi tôm (thợ đấu), xây dựng cầu đường (thường làm giữa trời nắng), xây dựng các công trình thủy điện (phải đi theo công trình)... Hiện nay, ở nông thôn, số thanh niên đã tốt nghiệp phổ thông trung học nhưng không đủ điểm vào đại học nhiều, nhưng không quyết tâm tìm kiếm việc làm tại chỗ hoặc xuất khẩu lao động. Các công ty xuất khẩu lao động của tỉnh Thừa Thiên Huế thường chỉ tuyển được người từ các tỉnh khác, ngoài tỉnh Thừa Thiên Huế. Một số sẵn sàng vào thành phố Hồ Chí Minh lao động đơn giản, hoặc có tổ chức (tỷ lệ nhỏ) hoặc tự do, cho dù thu nhập thấp.

Một số đồng bào dân tộc thiểu số có đóng góp cho đất nước trong kháng chiến nay có tư tưởng trông chờ, hưởng thụ, ỷ lại vào các chế độ, chính sách của Nhà nước. Số hộ tự cố gắng vươn lên thoát khỏi đói nghèo ít, nên số lượng các dự án hỗ trợ đồng bào ở khu vực này rất nhiều nhưng tỷ lệ đói nghèo vẫn lớn.

Tóm lại, phát huy những lợi thế sẵn có và giải quyết những thách thức đang tồn tại trong bối cảnh phát triển chung của vùng và cả nước sẽ giúp tỉnh Thừa Thiên Huế phát triển mạnh mẽ theo hướng bền vững trong giai đoạn hiện nay.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Quyết định 148/2004/QĐ-TTg ngày 13/8/2004 về phương hướng chủ yếu phát triển kinh tế xã hội vùng KTTĐ miền Trung đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020.
- UBND tỉnh Thừa Thiên Huế. Báo cáo số 125/BC-UBND, ngày 6/12/2010.
- UBND tỉnh Thừa Thiên Huế. Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ kinh tế xã hội năm 2010 và kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2011. Báo cáo trình Hội nghị tỉnh uỷ tỉnh Thừa Thiên Huế khoá XIV lần thứ 2. Huế: 02/12/2010.
- Cục Thống kê tỉnh Thừa Thiên Huế. Số liệu tổng điều tra dân số thời điểm 1/4/2009.
- Tỉnh uỷ tỉnh Thừa Thiên Huế. Biểu 3, phụ lục của Báo cáo chính trị của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Thừa Thiên Huế (khoá XIII) trình Đại hội đại biểu đảng bộ tỉnh lần thứ 14, Huế: 9/2010.
- Urban Solutions BV. Kế hoạch quản lý di sản Huế, Việt Nam, giai đoạn II và III: Từ lộ trình đến kế hoạch, từ kế hoạch đến thực hiện. Holland: Rotterdam, 9/2010.
- Quyết định số 1029/QĐ-TTg ngày 17/07/2009 phê duyệt quy hoạch cảng hàng không quốc tế Phú Bài, tỉnh Thừa Thiên Huế, giai đoạn 2020 và định hướng 2030.
- Quyết định số 86/2006/QĐ-TTg ngày 20/04/2006 về việc phê duyệt quy hoạch hệ thống bảo tàng thiên nhiên của Việt Nam.
- Quyết định số 1955/2009/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 về phê duyệt quy hoạch phát triển kinh tế xã hội vùng đầm phá Tam Giang - Cầu Hai, tỉnh Thừa Thiên Huế.